

SO SÁNH HIỆU QUẢ SẢN XUẤT CỦA CÁC HỘ DÂN TỘC CHÍNH TẠI ĐĂK LĂK

Comparing production efficiency of ethnic minority households in Daklak

*Phạm Tiến Dũng¹, Trần Đức Viên¹, Nguyễn Thị Lan², Y ghi Niê³, Phạm Thanh Liêm³
Phạm Thị Mai Hương¹, Trần Nguyễn Bằng¹, Nguyễn Thị Minh Nguyệt¹*

SUMMARY

The study was carried out in 2004 by a research group and funded by DakLak Department of science and technology. 50 households from each of the three minority groups, viz. M'ngong, Jarai, and Ede that present for three ecological areas of the province were chosen for interviews. The research results revealed that Ede people is the most efficient producers among three national minority groups. The production characteristics that make production efficiency are different from one group to another and the advantage of each group is associated with its natural and socio-economic conditions: M'ngong's group with livestock raising and intensive coffee farming; Jarai group with livestock and permanent fruit trees, and Ede group with integrated production of both crops and livestock but with greater emphasis on coffee production.

Key words: Ethnic minority groups of Ede, Jarai and M'ngong, production efficiency

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tây nguyên nói chung và ĐăkLăk nói riêng là nơi có đông đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống và có tiềm năng lớn về tài nguyên đất. Sau ngày giải phóng miền Nam, do phong trào di cư mạnh từ các nơi khác đến đã làm cho tốc độ tăng dân số lên rất cao: giai đoạn từ 1985 đến 1995 dân số tăng lên đến 219%, giai đoạn 1995 – 1998 tốc độ tăng có chậm hơn nhưng cũng đạt tới 138% (Tổng cục thống kê, 2000). Dân số tăng nhanh nhưng đất không tự sinh ra được vì vậy con đường tốt nhất góp phần cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân đặc biệt cho đồng bào dân tộc là nâng cao hiệu quả sản xuất. Hiệu quả sản xuất của đồng bào các dân tộc tại ĐăkLăk hiện nay thế nào, có thể lấy kinh nghiệm sản xuất có hiệu quả của nhóm người này làm bài học cho nhóm người khác được không, hiện tại chưa có câu trả lời thoả đáng.

Xuất phát từ những suy nghĩ trên, nhằm góp phần đẩy mạnh sản xuất và nâng cao đời sống cho đồng bào dân tộc trên địa bàn tỉnh, nghiên cứu này đã so sánh hiệu quả sản xuất của các dân tộc trong vùng, phân tích tìm ra thế mạnh của mỗi dân tộc trong quá trình sản xuất của họ, lấy đó làm bài học đề xuất cho hướng phát triển kinh tế trong tương lai của các dân tộc.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Căn cứ trên bản đồ phân bố dân cư của các dân tộc bản địa trong tỉnh, trong năm 2003, nhóm nghiên cứu đã tiến hành chọn 3 dân tộc đại diện: M'ngong, Jarai, Êđê theo các vùng đặc trưng, mỗi dân tộc chọn 50 hộ đại diện cho nhóm sản xuất tốt (theo ý kiến chuyên gia) để điều tra phỏng vấn các hoạt động sản xuất của họ theo biểu điều tra của Phạm Chí Thành (1996) với các chỉ tiêu điều tra được soạn sẵn. Kết quả điều tra được nhập vào máy tính trên phần mềm

¹ Trung tâm Sinh thái Môi trường- ĐHNHI

² Khoa Nông học- Trường ĐHNHI

³ Sở KHCN Tỉnh Đăklăc

EXCEL. Tiếp tục tính toán, phân tích theo hệ thống chỉ tiêu quốc gia SNA (Vụ thống kê cân đối, 1993) bao gồm các chỉ tiêu chính:

* Các chỉ tiêu phản ánh đặc điểm nông hộ: theo thành phần xuất thân của chủ hộ, theo quy mô diện tích, theo quy mô vốn sản xuất, nguồn lực sản xuất của nông hộ: đất đai bình quân nông hộ, vốn sản xuất bình quân nông hộ, lao động bình quân 1 hộ

* Các chỉ tiêu về kết quả:

- Tổng giá trị sản xuất (GO): $GO = \sum Q_i.P_i$

Trong đó: Q_i là khối lượng sản phẩm loại i ; P_i là đơn giá sản phẩm loại i

- Giá trị gia tăng (VA): $VA = GO - IC$

Trong đó: IC là chi phí trung gian (bao gồm chi phí vật chất và chi phí phục vụ)

$IC = \sum C_j . P_j$ (C_j là chi phí đầu tư thứ j ; P_j là đơn giá loại j)

- Thu nhập hỗn hợp (MI): $MI = VA - \text{chi phí khấu hao} - \text{thuế} - \text{lãi vay}$

* Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế: Hiệu quả lao động = giá trị sản xuất/lao động; Giá trị sản xuất/1 đơn vị diện tích; Giá trị sản xuất/1 đơn vị vốn đầu tư; Giá trị sản xuất/1 đơn vị chi phí trung gian; Giá trị gia tăng/1 đơn vị chi phí trung gian; Thu nhập hỗn hợp/1 đơn vị chi phí sản xuất; Thu nhập hỗn hợp/lao động gia đình; Thu nhập hỗn hợp/1 đơn vị diện tích

* Chỉ tiêu phản ánh hiệu quả xã hội: Thu nhập bình quân 1 lao động/tháng; Số công lao động của nông hộ trong 1 năm

* Đánh giá hiệu quả trên cơ sở tổng số điểm đạt được của các chỉ tiêu nghiên cứu: các chỉ tiêu được cho theo thang điểm từ 1-10.

Tất cả các giá trị được tính bằng chương trình EXCEL (Ngô Kim Khôi và cs., 2001) với các chỉ số đặc trưng là giá trị bình quân, cực tiểu, cực đại, phạm vi biến động, tỷ lệ phần trăm, ma trận tương quan. Các kết quả tính toán được đưa lên bảng và đồ thị để phân tích, so sánh tìm ra lợi thế cho mỗi trường hợp, trên cơ sở đó mà rút ra bài học kinh nghiệm tốt.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Bảng 1. Hiệu quả sản xuất các hộ theo các nhóm dân tộc
(tổng số điểm các chỉ tiêu)**

Dân tộc	Trung bình	Min	Max
M'ông	18	13	24
Jarai	19	10	50
Ê đê	24	11	53
Sai khác	P < 0,01		

Dân tộc Ê đê đạt được tổng số điểm trung bình hơn so với hai dân tộc còn lại là M'ông và Jarai, sự sai khác này đạt được độ tin cậy cao ($P < 0,01$), tuy nhiên phạm vi biến động về tổng số điểm giữa các hộ cũng lớn nhất (chênh lệch tới 42 điểm), do đó hiệu quả sản xuất không đồng đều. Nhóm hộ người M'ông mặc dù điểm trung bình thấp nhất, nhưng hiệu quả sản xuất của nhóm dân tộc M'ông đồng đều nhau hơn (có số điểm chênh lệch chỉ 11 điểm). Điều này chứng tỏ trình độ sản xuất của các dân tộc rất khác nhau, nên việc tìm ra những hộ làm ăn có hiệu quả cao hơn được coi như mô hình cho các hộ khác học tập là rất có ý nghĩa.

Các phân tích dưới đây sẽ cho thấy lý do từ đâu dẫn tới hiệu quả sản xuất của các dân tộc khác nhau, làm cơ sở cho việc đánh giá và xây dựng các mô hình đem lại hiệu quả sản xuất cao cho cả cộng đồng.

Bảng 2. Một số chỉ tiêu cơ bản về kết quả sản xuất của các hộ theo các nhóm dân tộc

Dân tộc	Tổng thu/ha đất canh tác (1000đ)	Tổng thu/lao động (1000đ)	MI/Khẩu (1000đ)	VA/Tổng chi trung gian
M'ông	19.636	9.020	2.957	4,00
Jarai	14.917	6.659	2.802	2,80
Ê đê	24.802	17.541	5.658	2,10
Sai khác	P < 0,01	P < 0,01	P < 0,05	P < 0,05

Bảng 2 cho thấy kết quả sản xuất giữa các nhóm hộ dân tộc khác nhau có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm dân tộc. Đánh giá các chỉ tiêu cơ bản về kết quả sản xuất giữa các dân tộc cho thấy các nông hộ dân tộc Ê đê luôn đạt được kết quả cao nhất, ngoại trừ chỉ tiêu giá trị gia tăng (VA) trên tổng chi phí trung gian. Chỉ tiêu này dân tộc M'ông lại đạt giá trị cao nhất. Điều này chứng tỏ khi canh tác có trình độ thâm canh cao, hiệu quả đầu tư thấp hơn so với thâm canh kém hoặc quảng canh. Ngoài ra, kết quả và hiệu quả sản xuất còn phụ thuộc vào giá trị sản phẩm của mỗi vùng khác nhau hoặc điều kiện địa phương có hay không cho phép canh tác các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao như cà phê, tiêu,...vì vậy vấn đề đặt ra là cần phân tích tiếp trên các mặt khác.

Bảng 3. Tỷ trọng thu các ngành sản xuất (%)

Dân tộc	Trồng trọt			Chăn nuôi	Ngành nghề
	Tổng số	Cây hàng năm	Cây lâu năm		
M'ông	80,42	58,07	41,71	0,15	17,21
Jarai	78,33	50,79	48,76	0,42	19,26
Ê đê	91,92	8,13	91,55	0,31	6,62

Rõ ràng trong tất cả các ngành sản xuất của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Đaklak, ngành trồng trọt chiếm tỷ trọng lớn nhất. Trong đó, các nông hộ dân tộc Ê đê có tỷ trọng đóng góp của ngành trồng trọt cao nhất (91,92%), tỷ trọng này thấp hơn nhiều ở hai dân tộc còn lại. Chính thế mạnh của vùng trồng cây lâu năm của các nông hộ người Ê đê đã mang lại hiệu quả kinh tế cao mà điều kiện của các dân tộc khác không cho phép. Hai dân tộc còn lại có nguồn thu tương đối đều giữa các cây trồng hàng năm và lâu năm, và có tỷ trọng thu từ chăn nuôi cao hơn hẳn so với dân tộc Ê đê, chủ yếu là từ chăn nuôi trâu bò. Như vậy, dựa vào thế mạnh sản xuất của mỗi vùng, nếu các nhà chỉ đạo sản xuất biết lợi dụng và khai thác tốt sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao cho đồng bào dân tộc của địa phương.

Phân tích thu nhập thực tế từ ngành trồng trọt của đồng bào các dân tộc, nếu tính bình quân, mỗi hộ dân tộc Ê đê thu từ trồng trọt trên 57 triệu đồng một năm, giữa hộ có thu nhập thấp nhất và hộ có thu nhập cao nhất từ trồng trọt chênh nhau tới 20 lần. Khác nhau về thu nhập trồng trọt giữa các dân tộc rất lớn, đạt ở mức ý nghĩa cao. Thu nhập từ trồng trọt của mỗi hộ Ê đê cao hơn 3 lần so với dân tộc Jarai, cao hơn 2 lần so với dân tộc M'ông (bảng 4).

Bảng 4. Tổng giá trị thu nhập trồng trọt bình quân hộ (1000đ)

Dân tộc	Trung bình	Min	Max
M'ông	22.095	8.915	44.140
Jarai	18.372	1.900	52.420
Ê đê	57.361	8.895	167.400
Sai khác	P < 0,01		

Ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất trước tiên phải kể đến các nguồn lực của nông hộ như đất đai, lao động, tiền vốn, khả năng thâm canh. Kết quả nghiên cứu thu được ở các bảng 5, 6, 7 cho phép phân tích các nguồn lực nêu trên.

Bảng 5. Tổng diện tích đất canh tác bình quân hộ (m²/hộ)

Dân tộc	Trung bình	Min	Max
M'ông	16.035	8.000	34.600
Jarai	23.293	6.000	61.000
Ê đê	36.713	4.100	368.280
Sai khác	P < 0,01		

Các nông hộ dân tộc Ê đê có thu nhập cao từ ngành trồng trọt là do họ có nhiều đất canh tác hơn hẳn của các dân tộc khác, mức ý nghĩa (P < 0,01), bình quân mỗi hộ người Ê đê có trên 3 ha đất và hộ cao nhất có đến trên 36 ha. Trong khi các hộ dân tộc Jarai đứng thứ hai bình quân mỗi hộ có hơn 2 ha, hộ cao nhất chỉ bằng 1/6 hộ cao nhất của dân tộc Ê đê. Đối với các hộ M'ông trung bình bằng khoảng một nửa của dân tộc Ê đê nhưng hộ cao nhất thì diện tích đất chỉ bằng 1/10 hộ cao nhất của dân tộc Ê đê.

Qui mô lao động và trình độ văn hoá chủ hộ của các dân tộc không có sự khác biệt nhiều giữa các nhóm dân tộc khác nhau. Số năm đi học của chủ hộ người dân tộc Jarai là thấp nhất, trung bình chỉ bằng một nửa của các chủ hộ hai dân tộc còn lại. Trình độ văn hoá hay số năm đi học của các hộ dân tộc có thể có ý nghĩa trong việc ra quyết định sản xuất của hộ sao cho có hiệu quả. Còn lao động là nguồn lực quan trọng để giải quyết mọi công việc nhà nông góp phần tăng hiệu quả sản xuất nhưng mối quan hệ đó chưa thấy thể hiện rõ trong trường hợp nghiên cứu này (bảng 6).

Bảng 6. Trình độ văn hoá của chủ hộ và qui mô lao động của hộ

Dân tộc	Số năm đi học của chủ hộ	Tổng số khẩu	Số lao động chính
M'ông	6	7	3,7
Jarai	3	8	4,6
Ê đê	6	8	4,5

Bảng 7 cho thấy qui mô đầu tư cũng như cơ cấu đầu tư cho các ngành sản xuất của các hộ giữa các dân tộc. Sở dĩ các hộ dân tộc Ê đê có thu nhập và hiệu quả cao nhất vì họ đã phải đầu tư cao: trên 24 triệu đồng trong năm cao gấp tới 4 lần so với các hộ của dân tộc Jarai và gấp trên 3 lần so với các hộ dân tộc M'ông. Các hộ của các nhóm dân tộc chủ yếu tập trung đầu tư cho sản xuất ngành trồng trọt (chiếm 70% – 80% trong tổng số), ngành chăn nuôi chỉ được đầu tư khoảng 20% vì đồng bào dân tộc ở Đaklăk chăn nuôi phổ biến theo hình thức tự cung tự cấp, ít đầu tư, nguồn con giống hầu như không hoặc rất ít khi mua mà phần lớn là hộ tự nhân dân ra, thức ăn chủ yếu là chăn dắt tự nhiên nên ít phải đầu tư.

Bảng 7. Qui mô đầu tư và cơ cấu đầu tư sản xuất của hộ

Dân tộc	Tổng chi (1000đ)	Cơ cấu chi (%)			Chi trồng trọt/ đất canh tác (1000đ/ha)
		Trồng trọt	Chăn nuôi	Ngành nghề	
M'ông	7.703	76,14	22,57	1,26	4.018
Jarai	6.143	88,06	11,63	0,00	2.378
Ê đê	24.520	78,97	20,40	0,61	6.756

Qua phân tích các nội dung từ bảng 1 đến bảng 7 trên đây cho thấy có rất nhiều yếu tố có ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất của nông hộ. Kết quả phân tích hệ số tương quan giữa hiệu quả và các yếu tố sản xuất trên bảng 8 cho thấy ở tất cả các dân tộc, tính hiệu quả kinh tế đều có tương quan rất chặt chẽ với hai chỉ số MI và VA. Chính vì vậy, đây là hai chỉ số quan trọng để nói lên hiệu quả kinh tế sản xuất của nông hộ.

Mỗi vùng dân tộc khác nhau, tính hiệu quả có liên quan chặt chẽ với các yếu tố sản xuất khác nhau: tính hiệu quả kinh tế của dân tộc M'ông và Ê đê có quan hệ chặt chẽ với diện tích đất trồng cà phê và số đầu gia súc nhưng dân tộc M'ông có quan hệ chặt hơn. Riêng chỉ tiêu số năm đi học (trình độ văn hoá chủ hộ) hầu như không có tương quan với tính hiệu quả. Đối với dân tộc Jarai thì tính hiệu quả chỉ có quan hệ chặt với số đầu gia súc và diện tích trồng cây lâu năm khác. Ngoài ra cần quan tâm về chi phí cho sản xuất cây hàng năm ở hai dân tộc M'ông và Ê đê mặc dù hệ số tương quan nhỏ.

Bảng 8. Quan hệ giữa hiệu quả với các yếu tố sản xuất của nông hộ

Chỉ tiêu	M'ông	Jarai	Ê đê
Tổng điểm	1	1	1
Đất CT cây hàng năm	-0,2577	-0,2219	0,10164
Đất cà phê	0,54804	-0,0473	0,35615
Đất tiêu	-0,3243	-0,1983	-0,0747
Đất cây lâu năm khác	-0,0575	0,31024	0,1686
Số đầu con gia súc	0,63598	0,85688	0,28293
Trình độ văn hoá	0,05282	-0,0331	0,03864
Số lao động chính	-0,1937	-0,2118	-0,2804
Chi cây lâu năm	0,4092	-0,1051	0,45719
Chi cây hàng năm	-0,0316	-0,1096	0,10377
Tổng chi chăn nuôi	-0,3783	-0,1408	-0,1325

Tóm lại: Giữa các dân tộc khác nhau, hiệu quả sản xuất kinh tế của nông hộ rất khác nhau, hiệu quả nổi bật thuộc về dân tộc Ê đê sau đến dân tộc Jarai. Nhìn chung tính hiệu quả cao có liên quan chặt chẽ với diện tích trồng cây lâu năm và số đầu gia súc nuôi hàng năm của nông hộ. Hai đối tượng sản xuất này được coi là thế mạnh của đồng bào các dân tộc trên địa bàn của tỉnh Đăklăk, cần tập trung để tạo điều kiện phát triển mạnh hơn, hiệu quả hơn. Diện tích cây hàng năm không có liên quan chặt chẽ với tính hiệu quả nhưng chi phí cho sản xuất cây hàng năm để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh tế cũng cần được quan tâm để góp phần mang lại hiệu quả kinh tế chung cho cả nền sản xuất với một mức độ ý nghĩa nhất định.

4. KẾT LUẬN

Hoạt động sản xuất của đồng bào dân tộc Ê đê đạt hiệu quả cao hơn hẳn hiệu quả của các hộ dân tộc khác trong số các dân tộc được lựa chọn nghiên cứu của tỉnh.

Mỗi dân tộc có thế mạnh riêng cho sản xuất của họ gắn liền với điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của họ: dân tộc M'ông có thể phát huy hiệu quả trên cơ sở chăn nuôi và thâm canh cây cà phê; dân tộc Jarai có thể phát huy hiệu quả trên cơ sở chăn nuôi và trồng các cây lâu năm; dân tộc Ê đê có thể phát huy tổng hợp cả trồng trọt, chăn nuôi nhưng cần chú trọng hơn cho cây cà phê, đây là điểm mạnh của họ.

Định hướng cho phát triển kinh tế của dân tộc M'ông là ưu tiên phát triển chăn nuôi, kết hợp thâm canh cây hàng năm và cà phê. Đối với dân tộc Jarai nên tập trung phát triển chăn nuôi trâu bò và tập trung thâm canh cây lâu năm khác ngoài cây tiêu và cây cà phê. Còn dân tộc Ê đê có thể phát triển đa dạng ngành nghề nhưng nên chú trọng phát triển thâm canh cà phê và cần có cà phê hàng hoá với chất lượng cao.

Đề nghị: cần có những nghiên cứu sâu hơn về các khía cạnh kỹ thuật sản xuất theo hướng đã được nêu trên để thúc đẩy sản xuất có hiệu quả hơn cho mỗi dân tộc.

Tài liệu tham khảo

Phạm Chí Thành, Phạm Tiến Dũng, Trần Đức Viên (1996). *Hệ thống nông nghiệp*. NXB Nông nghiệp tr. 110, 151-157.

Vụ thống kê cân đối-Tài chính, Ngân hàng-Tổng cục thống kê (1993). *Nhập môn hệ thống tài khoản quốc gia*, Hà Nội.

Ngô Kim Khôi, Nguyễn Hải Tuất, Nguyễn Văn Tuấn (2001). *Tin học ứng dụng trong lâm nghiệp*. Nhà xuất bản Nông nghiệp, tr. 46-67

Tổng cục thống kê, Vụ Nông – Lâm nghiệp - Thủy sản (2001). *Số liệu thống kê Nông – Lâm nghiệp - Thủy sản Việt nam 1975 – 2000*. Nhà xuất bản Thống kê, tr. 18; 49-58.